

SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI TRONG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Bùi Hữu Toàn^{*}

Phá sản là hiện tượng tất yếu của nền kinh tế thị trường. Tùy thuộc vào cách nhìn nhận ở mỗi quốc gia, thủ tục phá sản có thể áp dụng đối với cá nhân cũng như các chủ thể kinh doanh. Ở Việt Nam, Luật Phá sản chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gọi chung là hợp tác xã) được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật¹. Để tránh những tác động tiêu cực của phá sản với doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và trong các lĩnh vực khác thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu, Luật Phá sản của Việt Nam cho phép Chính phủ quy định cụ thể danh mục và việc áp dụng Luật Phá sản đối với các doanh nghiệp đặc biệt này².

Tổ chức tín dụng (TCTD) là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng nên cũng thuộc đối tượng áp dụng của Luật Phá sản 2004. Cụ thể hóa quy định tại Điều 2 Luật Phá sản 2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2010/NĐ-CP ngày 18/01/2010 quy định việc áp dụng Luật Phá sản đối với TCTD (sau đây gọi chung là Nghị định số 05/2010/NĐ-CP). Một trong những yêu cầu của việc giải quyết phá sản TCTD là phải bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và hạn chế đến mức thấp nhất những hậu quả xấu của phá sản TCTD đối với xã hội. Tuy nhiên, sự tham gia của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi (BHTG) vào thủ tục phá sản TCTD khi nào, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức BHTG trong quá trình giải quyết phá sản TCTD ra sao vẫn chưa được quy định một cách rõ ràng. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được trao đổi về vai trò của tổ chức BHTG trong thủ tục phá sản TCTD ở Việt Nam hiện nay.

^{*} Học viện Ngân hàng

1. CƠ SỞ CỦA VIỆC THAM GIA VÀO THỦ TỤC PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Trong các nghiên cứu về phá sản thì phá sản TCTD với tính chất là doanh nghiệp đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, là “mạch máu” của nền kinh tế thì việc phá sản những tổ chức này là vấn đề mang tính “nhạy cảm”, dường như là “vùng cấm” trong chính sách điều tiết kinh tế của nhà nước đối với hệ thống ngân hàng. Song, nền kinh tế thị trường vẫn vận hành theo những qui luật vốn có của nó, các ngân hàng phải chịu nhiều rủi ro từ nhiều yếu tố khác nhau, có thể mất khả năng thanh toán và dẫn đến phá sản. Không thể né tránh, các quốc gia thường tỏ ra khá thận trọng khi quy định trình tự, thủ tục giải quyết phá sản TCTD, điều này được lý giải từ vị trí đặc biệt trong nền kinh tế, ngành nghề kinh doanh có nhiều rủi ro mang tính chất dây chuyền, gây hiệu ứng đặc biệt lớn đối với nền kinh tế, nên khi các TCTD lâm vào tình trạng phá sản thì nhà nước cần có quy định thủ tục phá sản riêng cho chúng. Đây là quan niệm chung của hầu hết các quốc gia khi đề cập đến việc phá sản một TCTD như Luật ngành tín dụng Đức, Luật ngân hàng thương mại Ba Lan... Theo quy định của luật pháp về ngân hàng của các quốc gia này họ thừa nhận những hậu quả xấu từ việc phá sản một TCTD và luật pháp cần thiết phải đặt ra các thiết chế nhằm kiểm soát, quản lý chặt chẽ hơn đối với các TCTD bị lâm vào tình trạng phá sản.

Ở Việt Nam, khi chuyển sang mô hình ngân hàng hai cấp, do chưa quen vận hành, quản lý theo quy luật của nền kinh tế thị trường đã dẫn đến tình trạng có hàng nghìn các hợp tác xã tín dụng bị mất khả năng thanh toán các khoản nợ, lâm vào tình trạng phá sản gây thất thoát hơn 2000 tỷ đồng vào đầu năm 1990. Nhiều hợp tác xã tín dụng bị phá sản, người đứng đầu các hợp tác xã tín dụng bỏ trốn, nên nhiều người gửi tiền đã tập trung trước trụ sở của các cơ quan Đảng, Chính phủ đòi nợ, gây mất ổn định xã hội, làm giảm lòng tin của nhân dân vào chính sách tài chính ngân hàng của Đảng và Nhà nước, nhiều người phải lâm vào cảnh vào tù ra tội một cách oan ức... Cách thức mà Nhà nước giải quyết các hợp tác xã tín dụng bị phá sản

trước đây là vận động các ngân hàng thương mại quốc doanh mua lại để giữ vững ổn định trật tự xã hội, số còn lại được giải quyết theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước thông qua các văn bản pháp luật hiện hành.

Từ những phân tích trên cho thấy, khi tổ chức có nhận tiền gửi lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán sẽ có tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Do đó, cần phải tạo lập cơ chế nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng này đối với đời sống xã hội. Luật các TCTD được ban hành năm 1997 đã quy định TCTD có trách nhiệm tham gia tổ chức bảo toàn hoặc BHTG. Trên cơ sở quy định này, Chính phủ ban hành Nghị định số 89/1999/NĐ-CP về BHTG, Nghị định này đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2005/NĐ-CP, theo đó, pháp luật BHTG Việt Nam đã quy định chế BHTG bắt buộc đối với các tổ chức có huy động tiền gửi. Đây là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức BHTG tham gia vào thủ tục giải quyết việc phá sản TCTD.

Kế thừa những quy định này, Luật các TCTD năm 2010 cũng quy định TCTD phải tham gia tổ chức bảo toàn, BHTG theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia vào những tổ chức này tại trụ sở chính và chi nhánh nhằm mục đích để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền³. Như vậy, cơ sở của sự tham gia của tổ chức BHTG vào thủ tục giải quyết phá sản tổ chức tham gia BHTG có thể lý giải trên những khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, việc tham gia của tổ chức BHTG vào thủ tục phá sản TCTD là sự hiện thực hóa mục tiêu của BHTG Việt Nam, là trách nhiệm của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thanh toán, chi trả. Cũng như pháp luật BHTG của nhiều nước, pháp luật BHTG Việt Nam hiện hành quy định việc tham gia BHTG là bắt buộc⁴ đối với tổ chức có huy động tiền gửi từ công chúng. Với tư cách là tổ chức nhận bảo hiểm, khi tổ chức tham gia BHTG mất khả năng thanh toán, chi trả, tổ chức BHTG phải có nghĩa vụ chi trả tiền gửi được bảo hiểm. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của BHTG là (i) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền; (ii) Góp phần duy trì sự ổn định của các tổ

chức tín dụng; và (iii) Bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng⁵.

Thứ hai, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền kịp thời nhanh chóng thông qua việc chi trả tiền bảo hiểm cho người dân. Đây là mục đích quan trọng nhất của BHTG, “là tuyên ngôn của mọi tổ chức BHTG hiện nay”⁶ được thể hiện ngay ở tên gọi của nó, đồng thời là sự thể hiện của việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Thứ ba, sự tham gia của tổ chức BHTG vào thủ tục phá sản TCTD sẽ khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố trong hoạt động của các tổ chức tham gia bảo hiểm.

Thứ tư, xây dựng và bảo vệ niềm tin của công chúng, người gửi tiền và hệ thống tài chính, góp phần đáng kể vào việc bảo vệ tổ chức tham gia BHTG. Niềm tin là một điều kiện quan trọng đối với đời sống nói chung và có ý nghĩa đặc biệt đối với sự ổn định và phát triển của thị trường tài chính.

Thứ năm, giảm gánh nặng tài chính cho Chính phủ, tạo sự công bằng và động lực cạnh tranh cho các tổ chức tham gia BHTG, góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, nhất là trong trường hợp xảy ra nguy cơ giải thể hay phá sản tổ chức tham gia BHTG. Tổ chức BHTG được lập ra là để giúp Chính phủ gánh vác trách nhiệm bảo hiểm cho người gửi tiền. Ở nhiều quốc gia, tổ chức BHTG là những doanh nghiệp thực sự, tự chịu trách nhiệm và có đủ năng lực tài chính để xử lý những đổ vỡ ngân hàng, Chính phủ không cần thiết phải can thiệp hoặc chỉ can thiệp, hỗ trợ khi có khủng hoảng. Ở một số quốc gia, tổ chức BHTG lớn mạnh đến mức sử dụng lợi nhuận của mình để chia lại cho các tổ chức tham gia BHTG, tức là chia lại lợi nhuận cho các ngân hàng là những người tham gia bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm.

2. BẬT CẬP TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI TRONG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Một là, pháp luật BHTG chưa quy định rõ ràng thời điểm tham gia vào thủ tục giải quyết phá sản tổ chức tham gia BHTG. Điều này được thể hiện ở những khía cạnh:

- Pháp luật BHTG hiện hành cho phép *“tổ chức BHTG có thể hỗ trợ tài chính cho tổ chức tham gia BHTG dưới các hình thức cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định rằng việc giải thể, phá sản của tổ chức tham gia BHTG có thể gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng, sâu rộng đến sự an toàn của hệ thống tài chính, ngân hàng và sự ổn định chính trị, kinh tế - xã hội. Việc thực hiện hỗ trợ tài chính nêu tại khoản 1 Điều này được coi là việc tổ chức BHTG áp dụng biện pháp đặc biệt về tài sản để phục hồi hoạt động kinh doanh của tổ chức tham gia BHTG. Khoản hỗ trợ tài chính này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi”*⁷.

- Theo quy định của pháp luật hiện hành, TCTD được coi là lâm vào tình trạng phá sản sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì TCTD đó phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản⁸.

- Nghị định số 05/2010/NĐ-CP quy định: TCTD đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, TCTD khác cho vay đặc biệt, BHTG Việt Nam hỗ trợ tài chính để phục hồi hoạt động kinh doanh trước thời điểm tòa án thụ lý đơn, nhưng vẫn không phục hồi được mà phải áp dụng thủ tục thanh lý thì phải hoàn trả lại giá trị của khoản vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và TCTD khác, khoản hỗ trợ tài chính cho BHTG Việt Nam trước khi thực hiện quy định tại Điều 21 của Ngân hàng này về phân chia tài sản⁹.

Trên cơ sở những quy định hiện hành, chúng ta có thể rút ra những nhận xét cơ bản sau đây:

i) Pháp luật phá sản hiện hành chưa có sự phân biệt giữa thủ tục kiểm soát đặc biệt TCTD với thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của TCTD, vị trí, vai trò trách nhiệm của tổ chức BHTG trong thủ tục kiểm soát đặc biệt TCTD. Như đã phân tích ở trên, tổ chức BHTG chỉ được hỗ trợ tài chính cho tổ chức tham gia BHTG sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định rằng việc giải thể, phá sản của tổ chức tham gia BHTG có thể gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng, sâu rộng đến sự an toàn của hệ thống tài chính, ngân hàng và sự ổn định chính trị, kinh tế - xã hội, như vậy, sự hỗ trợ này của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG không phù hợp với mô hình chi trả của BHTG Việt Nam. Bởi lẽ, việc hỗ trợ tài chính cho tổ chức BHTG khi tổ chức này gặp khó khăn về khả năng chi trả là chức năng của mô hình BHTG giảm thiểu rủi ro.

ii) Các quy định về quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của chủ nợ chỉ mang tính “*hình thức*”, quy định cho “*có*” và không có tính khả thi, bởi lẽ, việc không công khai tình trạng mất khả năng thanh toán của TCTD cũng như không cho phép sự tham gia của các chủ nợ trong thủ tục kiểm soát đặc biệt đã làm ảnh hưởng đến quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của các chủ nợ, trong đó có tổ chức BHTG.

Hai là, pháp luật phá sản hiện hành chưa làm rõ tư cách chủ nợ của tổ chức BHTG, do vậy, pháp luật chưa quy định về quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tham gia BHTG. Theo quy định của Nghị định 05/2010/NĐ-CP, những chủ thể sau đây có được nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản TCTD:

- Những chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản TCTD: a) Chủ nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần của TCTD; b) Người lao động làm việc trong TCTD; c) Chủ sở hữu của TCTD nhà nước, cổ đông của TCTD cổ phần.

- Đại diện hợp pháp của TCTD có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi nhận thấy tổ chức mình lâm vào tình trạng phá sản.

Trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, nếu nhận thấy TCTD lâm vào tình trạng phá sản, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật có nhiệm vụ thông báo bằng văn bản cho những người nêu tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 05/2010/NĐ-CP biết để họ xem xét việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Cơ quan thông báo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông báo đó.

Pháp luật về BHTG quy định thời điểm chi trả BHTG là khi tổ chức tham gia BHTG bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn, trong vòng 60 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức này chấm dứt các giao dịch để tiến hành thanh lý tài sản hoặc kể từ ngày toà án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về phá sản, tổ chức BHTG có trách nhiệm tiến hành chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG đó theo nguyên tắc được quy định tại điều 4 của Nghị định này đồng thời làm thủ tục ra quyết định chấm dứt bảo BHTG. Tổ chức BHTG trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia BHTG với số tiền bảo hiểm đã chi trả. Tổ chức BHTG được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự thanh toán như đối với người gửi tiền trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị buộc giải thể do không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn hoặc bị phá sản theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản. Tổ chức BHTG được quyền tham gia vào quá trình quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

Với các quy định này, tổ chức BHTG dường như đóng vai trò là chủ nợ không có bảo đảm của tổ chức tham gia BHTG. Tuy nhiên, với quy định không rõ ràng này thì tổ chức BHTG không có cơ sở pháp lý để nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tham gia BHTG. Không những thế, trong quá trình thực hiện hỗ trợ tài chính cho tổ chức tham gia BHTG như phân tích ở trên, nếu tổ chức BHTG thấy việc phục hồi hoạt động của tổ chức tham gia BHTG không

có tính khả thi thì tổ chức BHTG có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tham gia BHTG không?

3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI TRONG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Thứ nhất, cho phép tổ chức BHTG được quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tham gia BHTG bằng việc xác định rõ tư cách chủ nợ của tổ chức BHTG. Theo kinh nghiệm của các nước, khi TCTD tham gia BHTG lâm vào tình trạng phá sản, nếu TCTD đó không có khả năng phục hồi thì: i) Tổ chức BHTG thanh toán tiền gửi cho người gửi tiền với mức bảo hiểm tối đa trên cơ sở phí bảo hiểm mà TCTD đóng và nếu không đủ thì tổ chức BHTG phải lấy từ vốn của mình để chi trả; ii) Sau khi TCTD được thanh lý, tổ chức BHTG được xếp cùng hàng với các chủ nợ không có bảo đảm và nhận về số tiền theo tỷ lệ nợ. Còn nếu TCTD có khả năng phục hồi thì TCTD đứng ra bảo lãnh sẽ trả toàn bộ tiền gửi và tiếp nhận TCTD lâm vào tình trạng phá sản hoặc tổ chức bảo hiểm tiền gửi tìm một TCTD khác để bán hoặc sáp nhập. TCTD này sẽ nhận trách nhiệm hoàn trả tiền gửi của TCTD phá sản sau khi mua bán hoặc sáp nhập. Để tăng tính hấp dẫn, tổ chức BHTG thường đứng ra mua lại một số tài sản xấu của TCTD phá sản hoặc cho TCTD mua hoặc sáp nhập TCTD này vay với lãi suất ưu đãi.

Thứ hai, hướng dẫn cụ thể về sự tham gia của tổ chức BHTG vào thủ tục kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tham gia BHTG theo hướng:

- Bổ sung quy định cho phép tổ chức BHTG phải là thành viên của Ban kiểm soát đặc biệt, bởi lẽ, thành viên của Ban kiểm soát đặc biệt theo pháp luật hiện hành phải có tối thiểu 03 thành viên trong đó có 01 thành viên là Trưởng Ban. Thành viên Ban kiểm soát đặc biệt là cán bộ tại các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh, hoặc là cán bộ của TCTD khác do Thống đốc đề nghị¹⁰.

- Tổ chức BHTG có quyền quyết định có cho tổ chức tham gia BHTG vay khoản vay đặc biệt hay không.

- Tổ chức BHTG có quyền kiến nghị kết thúc kiểm soát đặc biệt trước thời hạn nếu tổ chức tham gia BHTG không thể khôi phục khả năng thanh toán.

Thứ ba, hướng dẫn chi tiết việc tham gia quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG. Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc thành lập tổ quản lý, thanh lý tài sản để làm nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản của TCTD lâm vào tình trạng phá sản được tiến hành đồng thời với việc ra quyết định mở thủ tục phá sản¹¹; tổ chức BHTG chỉ được tham gia vào tổ quản lý, tổ thanh lý tài sản TCTD khi đã thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm tiền gửi cho khách hàng của TCTD¹². Trong khi đó, pháp luật hiện hành quy định tổ chức BHTG có trách nhiệm tiến hành chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền trong vòng 60 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức này chấm dứt các giao dịch để tiến hành thanh lý tài sản hoặc kể từ ngày toà án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về phá sản, thì quy định như Nghị định 05/2010/NĐ-CP là không hợp lý. Do vậy, chúng tôi kiến nghị tổ chức BHTG được tham gia vào tổ quản lý, tổ thanh lý tài sản TCTD không phụ thuộc vào việc đã thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm tiền gửi cho khách hàng của TCTD

Thứ tư, về thứ tự ưu tiên thanh toán từ tài sản phá sản của TCTD. Theo quy định tại Điều 151 Luật các TCTD thì khi TCTD bị mất khả năng thanh toán, khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn thì có thể được TCTD khác hoặc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này được *ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ của TCTD, kể cả khoản nợ có bảo đảm*. Quy định này là mâu thuẫn với quy định về thứ tự phân chia tài sản phá sản của Luật Phá sản. Theo quy định của Luật Phá sản 2004, thứ tự phân chia tài sản phá sản là:

a) Phí phá sản;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Các khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho các chủ nợ trong danh sách chủ nợ theo nguyên tắc nếu giá trị tài sản đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ đều được thanh toán đủ số nợ của mình; nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của mình theo tỷ lệ tương ứng.

Theo chúng tôi, khoản vay đặc biệt này chỉ nên xem như khoản vay có bảo đảm, không nên quy định được ưu tiên thanh toán trước tất cả các khoản nợ, kể cả các khoản nợ có bảo đảm. Điều này sẽ bảo đảm công bằng hơn cho các chủ nợ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình thực hiện thủ tục kiểm soát đặc biệt, các chủ nợ không được tham gia. Không những thế, trong quá trình sử dụng khoản vay đặc biệt này, các quy định về kiểm soát đặc biệt chưa quy định cụ thể biện pháp bảo toàn tài sản. Ngoài ra, các quy định hiện hành không có quy định bảo đảm rằng, việc sử dụng khoản vay đặc biệt không ảnh hưởng tới toàn bộ tài sản của TCTD bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, khả năng chi trả.

¹Khoản 1 Điều 2 Luật Phá sản 2004

²Khoản 2 Điều 2 Luật Phá sản 2004

³Khoản 1 Điều 10 Luật các TCTD 2010

⁴Khoản 1 Điều 2 Nghị định 89/1999/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung năm 2005

⁵Điều 1 Nghị định số 89/1999/NĐ-CP

⁶TS. Nguyễn Am Hiếu (2011), Mục đích của bảo hiểm tiền gửi và việc hoàn thiện cơ sở pháp lý, Kỷ yếu hội thảo Dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi do Ủy ban Kinh tế Quốc hội tổ chức ngày 23/8/2011

⁷Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24/08/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/09/1999 của Chính phủ về BHTG

⁸Khoản 1 Điều 155 Luật các TCTD 2010

⁹Điều 20 Nghị định số 05/2010/NĐ-CP ngày 18/01/2010 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật phá sản đối với các TCTD

¹⁰Điều 11 Thông tư số 08/2010/TT-NHNN ngày 22/03/2010 của NHNN quy định về kiểm soát đặc biệt đối với TCTD

¹¹Điều 6 Khoản 1 Nghị định số 05/2010/NĐ-CP ngày 18/01/2010 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật phá sản đối với các TCTD

¹²Điều 6 Khoản 2 Điểm e Nghị định số 05/2010/NĐ-CP ngày 18/01/2010 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật phá sản đối với các TCTD